TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 28- 12- 2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

2. Bà Trần Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 152/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm XH, xã TC, thị xã PY, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi cứ trú: Xóm HT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị V kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm HT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN cùng với gia đình chị V. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Tới khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, phía gia đình chị V có nhiều khúc mắc về nợ nần, anh có cho lời khuyên nhưng chị V không nghe, không tôn trọng ý kiến của anh, nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, thi thoảng còn xảy ra xô xát. Cuối năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, gia đình chị V nhiều lần xua đuổi anh, nên anh đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Phổ Yên sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Từ khi ly thân, hai vợ chồng không còn chia sẻ, quan tâm tới nhau nữa.

Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh M sinh ngày 03/11/2019, hiện nay đang sống cùng chị V. Sau khi ly hôn anh đồng ý cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị V với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng /1 tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về phương thức cấp dưỡng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh làm công việc tự do (phụ hồ), công việc không ổn định và thu nhập cũng không ổn định, mỗi tháng trung bình thu nhập của anh khoảng 5.000.000 đồng nên anh đề nghị được cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị V trình bày tại bản tự khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, xác định: Chị và anh T kết hôn năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ của chị tại xóm HT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh M sinh ngày 03/11/2019, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trường hợp vợ chồng ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có đúng như anh T trình bày và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm sống và xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Do anh T và gia đình anh T nhiều lần đòi hỏi gia đình chị chu cấp về kinh tế. Sau khi chị sinh con, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do mẹ đẻ của anh T đã nói với hai vợ chồng chị là "*Đưa mẹ con nó về nhà ngoại để hai mẹ con nó tự lo cho nhau, còn thằng T về đi làm để lo cho bố mẹ*" sau đó anh T nghe lời mẹ, đã đưa hai mẹ con chị về nhà

ngoại và đi luôn, đi đâu chị cũng không rõ. Từ đó, anh T đã dọn ra khỏi nhà chị, không về nhà chị sống nữa, chị sống một nơi, anh T sống một nơi và lạnh nhạt với vợ, ngoài ra anh T cũng không quan tâm, không có bất cứ trách nhiệm gì với gia đình, với vợ con và cũng không chu cấp tiền nuôi con, mặc dù chị có yêu cầu nhưng anh T cũng không thực hiện, con ốm cũng không về thăm.

Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, chị không muốn ly hôn với anh T, chị muốn vợ chồng hàn gắn vì con còn nhỏ. Tại phiên tòa, ban đầu chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị đồng ý ly hôn với anh T. Sau đó chị thay đổi quan điểm chị sẽ nhất trí ly hôn anh T nếu anh T đồng ý với yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng / 1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là 214 tháng, phương thức cấp dưỡng một lần với tổng số tiền là 642.000.000 đồng, nếu anh T không nhất trí với yêu cầu trên của chị thì chị không đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi sinh sống của chị Nguyễn Thị V. Kết quả xác định: Sau khi kết hôn chị V và anh T có về chung sống cùng mẹ đẻ của chị V tại xóm HT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Sau khi chị V sinh con thì không thấy anh T về sống tại nhà chị V nữa, hiện nay tại địa phương chỉ có chị V và con đang sinh sống cùng mẹ đẻ của chị V; Tòa án đã tiến hành hòa giải hai bên để đoàn tụ nhưng anh T kiên quyết đề nghị được ly hôn với chị V, anh xác định trong năm 2020 do vợ chồng cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có sự tôn trọng nhau anh đã từng gửi đơn ra Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xin được ly hôn chị V, sau đó mọi người trong gia đình và bạn bè thân thiết khuyên can nên anh đã rút đơn ly hôn chị V để vợ chồng đoàn tụ nhưng giữa anh và chị V không thể đoàn tụ được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị V để ổn định cuộc sống. Nếu chị V không nhất trí ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35,

39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn với chị V.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thanh M sinh ngày 03/11/2019 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi trưởng thành anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị nên không xem xét.

+ Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: xóm XH, xã TC, thị xã PY, tỉnh TN và bị đơn chị Nguyễn Thị V, nơi cư trú: xóm HT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự không thống nhất được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa ra xét xử công khai.

*** Về nội dung:**

[1] ***Về quan hệ hôn nhân*****:** Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V kết hôn năm 2018 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị V chung sống tại gia đình mẹ đẻ của chị V tại xóm HT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, khoảng cuối năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói

chung trong cuộc sống. Từ sau khi chị V sinh con cho tới nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau.

Tại phiên tòa hôm nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị V.

Tại phiên tòa, chị V cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T và chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện chị không còn tình cảm với anh T do đó lời khai ban đầu chị V đồng ý ly hôn. Nhưng sau đó anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 01/01/2020 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) với tổng số tiền 642.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triện đồng), nên chị V thay đổi quan điểm về quan hệ hôn nhân chị không nhất trí ly hôn anh T, chị muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng con chung.

Qua đó, HĐXX xét thấy về quan hệ hôn nhân, anh T và chị V đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2019 và ly thân từ đó đến nay, hiện nay hai bên không còn tình cảm với nhau nên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Chị V không nhất trí ly hôn anh T nhưng chị không có biện pháp gì để gắn kết tình cảm vợ chồng mà để mặc tình trạng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, ý kiến của chị tại phiên tòa không ly hôn anh T là do anh T không thể đáp ứng yêu cầu về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con do chị đưa ra. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận, cần cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị V là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] ***Về con chung*****:** Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh M sinh ngày 03/11/2019. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng /1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), cụ thể là 214 tháng, phương thức cấp dưỡng 01 lần với tổng số tiền là 642.000.000 đồng.

Anh T đồng ý để chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh không nhất trí với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị V đưa ra. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T xác định anh làm công việc tự do(phụ hồ), không có công việc và thu nhập ổn định, hàng tháng thu nhập của anh chỉ được khoảng 5.000.000 đồng. Anh không trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng anh sẽ có trách nhiệm với con đến khi con đủ 18 tuổi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai bên đương sự đều thống nhất chị V là người trực tiếp nuôi con, hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, đang sống cùng với chị V, cuộc sống ổn định, chị V đủ điều kiện nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc tới khi các bên có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét khả năng thu nhập thực tế của anh Nguyễn Văn T và nhu cầu thiết yếu để nuôi con chung, cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V với mức cấp dưỡng bằng tiền là 1.500.000đ/ 01 tháng cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Phương thức cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của chị V về mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng nhân với thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), cụ thể là 214 tháng, phương thức cấp dưỡng 01 lần với tổng số tiền là 642.000.000 đồng, yêu cầu này của chị V anh T không thể thực hiện được và yêu cầu đó không có căn cứ do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu của chị V.

[3] ***Về tài sản chung, nợ chung*****:** Anh T và chị V không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4]. ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

[5]. ***Quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn T, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thanh M sinh ngày 03/11/2019 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Thanh Mai với số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 01 tháng cho tới khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

* *Phương thức cấp dưỡng*: Thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo thời giá thị trường tại thời điểm các bên thực hiện việc cấp dưỡng và nuôi con. Nếu các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng tại thời điểm các bên phải thực hiện thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 về lãi suất trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005170 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợpbản án, quyết định được thi hành theo quy định định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Thành Công, TX Phổ Yên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.